

Bản án số: 13/2021/HSST
Ngày: 12/01/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quang Mẫn
2. Bà Trịnh Thị Phương Châm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Kim Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân: Ông Nguyễn Nhật Tân - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 1.

Ngày 12 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 197/2020/TLST-HS ngày 03 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1422/2020/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

Lê Anh V, sinh ngày 10 tháng 02 năm 1994, tại Gia Lai; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Hẻm 357 Lý Thái Tổ, tổ 12, phường X, thành phố Y, tỉnh H; chỗ ở hiện nay: 227 Trần Hưng Đạo, phường X, Quận Y, Thành phố H; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Anh T và bà Nguyễn Thị Bích L; chưa có vợ con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 21 tháng 9 năm 2020 tại nhà tạm giữ Công an Quận 1. (có mặt)

Người bị hại: Ông Bùi Văn Q, sinh năm: 1988; Chỗ ở hiện nay: 227 Trần Hưng Đạo, phường X, Quận Y, Thành phố H. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Anh V thuê giường số 108 tại Homestay 24h, số 227 Trần Hưng Đạo, phường Cô Giang, Quận 1 để lưu trú từ ngày 05 tháng 9 năm 2020. Do cần tiền tiêu xài và biết ông Bùi Văn Q ở giường số 106 thường xuyên để điện thoại di động và bóp tiền trên giường nên V nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của ông Q. Khoảng 09

giờ ngày 18 tháng 9 năm 2020, lợi dụng lúc ông Q đi vệ sinh, V lén lút sang giường 106 của ông Q lấy 01 điện thoại di động hiệu Iphone X và 01 bóp tiền bên trong có 700.000 đồng, V để vào trong túi quần rồi bỏ đi. V mang điện thoại di động trộm được đến cửa hàng Viện Iphone, số 636 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10 để đăng ký dịch vụ bảo khóa điện thoại. Đối với số tiền 700.000 đồng mà V đã chiếm đoạt của ông Q, V tiêu xài hết 300.000 đồng, còn lại 400.000 đồng. Qua điều tra truy xét, ngày 19 tháng 9 năm 2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1 bắt giữ V tại khách sạn GoCo, số 214/1 Nguyễn Trãi, phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, đưa về Công an phường Cô Giang để làm rõ.

Quá trình điều tra, V khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên, lời khai của V phù hợp với biên bản ghi nhận vụ việc, biên bản thực nghiệm điều tra, kết luận định giá tài sản, biên bản đối chất, biên bản kiểm tra camera cùng lời khai của bị hại, những người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ do Cơ quan điều tra thu thập.

Theo bản kết luận số: 236/KL-HĐĐGTS ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của Ủy ban nhân dân Quận 1, kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Iphone X, trị giá 11.600.000 đồng; 01 ví màu đen trị giá 150.000 đồng.

Bản cáo trạng số: 200/CT-VKSQ1 ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 đã truy tố bị cáo Lê Anh V về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh tụng: Sau khi kiểm tra đầy đủ các chứng cứ buộc tội, gỡ tội và các tình tiết khác của vụ án, bị cáo đã thừa nhận hành vi sai trái do bị cáo gây ra tương tự như nội dung bản cáo trạng đã nêu, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ. Như vậy, hành vi phạm tội của bị cáo đã có đủ cơ sở để kết luận bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 06 (sáu) tháng tù đến 12 (mười hai) tháng tù, miễn hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng của vụ án:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone X, 01 sim điện thoại di động số 0911114666, 01 ví màu đen và số tiền 400.000 đồng đã thu hồi trả lại bị hại là ông Q và ông Q không có yêu cầu nào nên không xét.

- 01 phiếu nhận thiết bị, 01 USB, 01 đĩa DVD ghi nhận hình ảnh camera vụ án cần tiếp tục lưu trong hồ sơ.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 số imei: 353319079488349, 01 đồng hồ bằng kim loại, màu vàng, 01 ví da cần xem xét trả lại bị cáo V, nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án sau này.

- Số tiền 300.000 đồng bị cáo chiếm đoạt đã tiêu xài hết, bị hại ông Q không yêu cầu bị cáo trả lại, cần buộc bị cáo nộp lại số tiền trên để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Tại phiên tòa, bị cáo V đã khai nhận hành vi phạm tội như kết luận điều tra và cáo trạng truy tố, bị cáo không có ý kiến tranh tụng gì và nói lời sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và vụ án còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như các biên bản hoạt động điều tra, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung, biên bản làm việc, bản tường trình, biên bản bắt bị can để tạm giam, kết luận định giá,... nên có căn cứ để kết luận, khoảng 09 giờ ngày 18 tháng 9 năm 2020, bị cáo V đã có hành vi lợi dụng sự không để ý của ông Q lén lút chiếm đoạt chiếc điện thoại di động hiệu Iphone X, 01 bóp tiền bên trong có 700.000 đồng của ông Q. Qua truy xét bị cáo V bị bắt giữ cùng vật chứng. Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận bị cáo V đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, người bị hại và tại phiên tòa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện với quyết tâm cao, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất tình hình trật tự trị an tại địa phương, trị giá tài sản bị cáo chiếm

đoạt có tổng giá trị là 12.450.000 đồng. Vì vậy, cần phải có mức án nghiêm mới đủ tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo thành người lương thiện có ích cho xã hội, đồng thời để răn đe kẻ khác góp phần phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Xét tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử miễn hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự, vật chứng của vụ án:

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone X, 01 sim điện thoại di động số 0911114666, 01 ví màu đen và số tiền 400.000 đồng đã thu hồi trả lại bị hại là ông Q và ông Q không có yêu cầu nào nên Hội đồng xét xử không xét.

- Đối với 01 phiếu nhận thiết bị, 01 USB và 01 đĩa DVD ghi nhận hình ảnh camera vụ án cần tiếp tục lưu trong hồ sơ.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 số imei: 353319079488349, 01 đồng hồ bằng kim loại, màu vàng và 01 ví da thu giữ của bị cáo V, xét không liên quan đến vụ án cần xem xét trả lại bị cáo V, nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án sau này.

- Đối với số tiền 300.000 đồng, bị cáo chiếm đoạt đã tiêu xài hết, bị hại ông Q không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền này. Tuy nhiên, xét đây là số tiền do bị cáo phạm tội mà có nên buộc bị cáo phải nộp lại số tiền 300.000 đồng để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 21 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên án về tội trộm cắp tài sản: Tuyên bố Lê Anh V phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; phạt bị cáo Lê Anh V 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21 tháng 9 năm 2020.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

Lưu hồ sơ vụ án 01 (một) phiếu nhận thiết bị; 01 (một) USB; 01 (một) đĩa DVD ghi nhận hình ảnh camera vụ án.

Trả lại bị cáo Lê Anh V 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6, số imei: 353319079488349; 01 (một) đồng hồ bằng kim loại, màu vàng; 01 (một) ví da nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án sau này.

Buộc bị cáo Lê Anh V nộp lại số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) để tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

(Theo Phiếu nhập kho vật chứng số: 123/20-PNK ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Công an Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh)

Căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 21 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo Lê Anh V phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự; trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi thì quyết định kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Bị cáo Lê Anh V có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Đối với người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp. HCM;
- VKSND Tp. HCM;
- VKSND Quận 1, Tp. HCM;
- Chi cục THADS Quận 1, Tp. HCM;
- Công an Quận 1, Tp. HCM;
- Phòng PC 53;
- Sở Tư pháp Tp. HCM;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Huỳnh Ngọc Tuấn